

Số: 103 /2024/QĐ-UBND

Ninh Bình, ngày 12 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Quy định mức chi đảm bảo cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Ninh Bình

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 219/TTr-STC ngày 09 tháng 12 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quyết định này quy định mức chi đảm bảo cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Ninh Bình theo quy định tại khoản 8 Điều 27 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

2. Các mức chi khác liên quan đến công tác tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư không được quy định trong Quyết định này thì được thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Ninh Bình (sau đây gọi tắt là tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường).

2. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc lập dự toán, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng mức chi

1. Mức chi quy định tại ý thứ nhất điểm a, điểm b khoản 1, các khoản 2, 3, 4, 5 Điều 4, khoản 1, khoản 3, điểm a và b khoản 4, khoản 6 Điều 5 Quyết định này áp dụng đối với thành viên Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và thành viên tổ giúp việc Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (nếu có).

Trường hợp tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường là tổ chức phát triển quỹ đất hoặc đơn vị, tổ chức theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 86 Luật Đất đai năm 2024 là nhà cung cấp dịch vụ sự nghiệp công có liên quan tới việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thì không áp dụng mức chi theo quy định tại ý thứ nhất điểm a, điểm b khoản 1, các khoản 2, 3, 4, 5 Điều 4, khoản 1, khoản 3, điểm a, b khoản 4 và khoản 6 Điều 5. Trong trường hợp này, kinh phí thực hiện theo quy định về giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước và pháp luật về đấu thầu.

2. Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường căn cứ quy định tại Quyết định này, có trách nhiệm lập dự toán chi phí bảo đảm cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của từng dự án trình cơ quan có thẩm quyền quyết định mức chi cụ thể theo quy định nhưng không được vượt quá mức chi tối đa quy định tại Quyết định này.

Điều 4. Mức chi đảm bảo cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất

1. Mức chi tổ chức họp với người có đất, chủ sở hữu tài sản trong khu vực thu hồi để phổ biến, tuyên truyền các chính sách, pháp luật về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và tiếp nhận ý kiến, tổ chức vận động người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản liên quan thực hiện quyết định thu hồi đất thực hiện dự án:

a) Mức chi tổ chức họp với người có đất, chủ sở hữu tài sản trong khu vực thu hồi để phổ biến, tuyên truyền các chính sách, pháp luật về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất:

Mức chi phổ biến, tuyên truyền các chính sách, pháp luật về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất: Tối đa 200.000 đồng/người/ngày.

Mức chi nước uống cho người dự họp: Theo quy định tại khoản 3 Điều 13 Nghị quyết số 14/2017/NQ-HĐND ngày 06 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình ban hành Quy định về chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Ninh Bình.

b) Mức chi tiếp nhận ý kiến, tổ chức vận động người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản liên quan thực hiện quyết định thu hồi đất thực hiện dự án: Tối đa 200.000 đồng/người/ngày.

2. Mức chi điều tra, khảo sát, ghi nhận hiện trạng, đo đạc, kiểm đếm, thống kê, phân loại diện tích đất và xác định nguồn gốc đất và tài sản gắn liền với đất thu hồi gồm:

a) Phát tờ khai, hướng dẫn người có đất, chủ sở hữu tài sản kê khai: Tối đa 200.000 đồng/người/ngày.

b) Trích đo địa chính thửa đất đối với thửa đất tại nơi chưa có bản đồ địa chính phục vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng; đo đạc xác định diện tích thực tế các thửa đất nằm trong ranh giới khu đất thu hồi để thực hiện dự án (nếu có) của từng người có đất thu hồi làm căn cứ thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trong trường hợp phải đo đạc lại; kiểm kê số lượng nhà, công trình, cây trồng, vật nuôi và tài sản khác bị thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất của từng chủ sở hữu tài sản; kiểm tra, đối chiếu giữa tờ khai với kết quả kiểm kê, xác định mức độ thiệt hại với từng người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản cụ thể; tính toán giá trị thiệt hại về đất, nhà, công trình, cây trồng, vật nuôi và tài sản khác: Tối đa 200.000 đồng/người/ngày.

c) Chi phí đăng báo và phát sóng trên đài phát thanh hoặc truyền hình: Thực hiện theo mức chi thực tế, trên cơ sở hóa đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của pháp luật đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

3. Mức chi phí lập, thẩm định, phê duyệt, công khai phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư từ khâu tính toán, xác định mức bồi thường, hỗ trợ đến khâu phê duyệt phương án, thông báo công khai phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: Tối đa 200.000 đồng/người/ngày.

4. Mức chi tổ chức chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt theo quy định: Tối đa 200.000 đồng/người/ngày.

5. Mức chi phục vụ việc hướng dẫn thực hiện, giải quyết những vướng mắc trong tổ chức thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt theo quy định: Tối đa 200.000 đồng/người/ngày.

6. Mức chi thuê nhà làm việc, thuê và mua sắm máy móc, thiết bị để thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường và cơ quan thẩm định (nếu có): Thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, về đấu thầu và các quy định của pháp luật có liên quan.

7. Mức chi in ấn, phô tô tài liệu, văn phòng phẩm, thông tin liên lạc (bưu chính, điện thoại), xăng xe: Tính theo nhu cầu thực tế đảm bảo định mức, tiêu chuẩn, đơn giá do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.

8. Mức chi thuê nhân công thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (nếu có) và thực hiện theo điều kiện quy định tại điểm h khoản 4 Điều 27 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ: Tính theo mức tiền lương tối thiểu vùng tính cao nhất theo ngày do Nhà nước quy định tại thời điểm phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

9. Các chi phí thực tế phát sinh có liên quan trực tiếp đến việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư chưa quy định mức chi tại Quyết định này và chưa có định mức, tiêu chuẩn, đơn giá do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định: Thực hiện theo mức chi thực tế, trên cơ sở hóa đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của pháp luật đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

10. Tổng mức chi phí bảo đảm cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được trích không quá 4% tổng số kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án trừ các dự án thực hiện trên các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn, dự án xây dựng công trình hạ tầng theo tuyến.

Điều 5. Mức chi tổ chức thực hiện cưỡng chế kiểm đếm, cưỡng chế thu hồi đất

1. Mức chi thông báo, tuyên truyền vận động các đối tượng thực hiện quyết định cưỡng chế kiểm đếm, quyết định cưỡng chế thu hồi đất: Tối đa 200.000 đồng/người/ngày.

2. Mức chi mua nguyên liệu, nhiên liệu, thuê phương tiện, thiết bị bảo vệ, y tế, phòng chống cháy nổ, các thiết bị, phương tiện cần thiết khác phục vụ cho việc thực hiện cưỡng chế kiểm đếm, cưỡng chế thu hồi đất: Thực hiện theo mức chi thực tế, trên cơ sở hóa đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của pháp luật đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm.

3. Mức chi phục vụ công tác tổ chức thi hành quyết định cưỡng chế kiểm đếm, cưỡng chế thu hồi đất: Tối đa 200.000 đồng/người/ngày.

4. Mức chi phí niêm phong, phá, tháo dỡ, vận chuyển tài sản; di chuyển người bị cưỡng chế và người có liên quan ra khỏi khu đất cưỡng chế, chi thuê địa điểm, nhân công, phương tiện bảo quản tài sản và các khoản chi phí thực tế hợp pháp khác phục vụ trực tiếp cho việc thực hiện bảo quản tài sản khi thực hiện cưỡng chế thu hồi đất trong trường hợp chủ sở hữu tài sản không thanh toán:

a) Mức chi phí niêm phong, phá, tháo dỡ, vận chuyển tài sản: Tối đa 200.000 đồng/người/ngày.

b) Mức chi di chuyển người bị cưỡng chế và người có liên quan ra khỏi khu đất cưỡng chế: Tối đa 200.000 đồng/người/ngày.

c) Mức chi thuê nhân công: Thực hiện theo quy định tại khoản 8 Điều 3 Quyết định này.

d) Mức chi thuê địa điểm, phương tiện bảo quản tài sản và các khoản chi phí thực tế hợp pháp khác phục vụ trực tiếp cho việc thực hiện bảo quản tài sản khi thực hiện cưỡng chế thu hồi đất trong trường hợp chủ sở hữu tài sản không thanh toán: Thực hiện theo mức chi thực tế, trên cơ sở hóa đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của pháp luật đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

5. Mức chi cho công tác quay phim, chụp ảnh phục vụ cho việc thực hiện cưỡng chế kiểm đếm, cưỡng chế thu hồi đất: Thực hiện theo mức chi thực tế, trên cơ sở hóa đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của pháp luật đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm.

6. Mức chi phí bảo vệ, chống tái chiếm đất sau khi tổ chức thực hiện cưỡng chế thu hồi đất của thửa đất cưỡng chế thu hồi đến thời điểm hoàn thành việc giải phóng mặt bằng: Tối đa 200.000 đồng/người/ngày

7. Các chi phí thực tế phát sinh có liên quan trực tiếp đến việc tổ chức thực hiện cưỡng chế kiểm đếm, cưỡng chế thu hồi đất chưa quy định mức chi tại Quyết định này và chưa có định mức, tiêu chuẩn, đơn giá do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định: Thực hiện theo mức chi thực tế, trên cơ sở hóa đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của pháp luật đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm.

Điều 6. Quy định chuyển tiếp

Đối với trường hợp đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt dự toán chi phí bảo đảm cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục sử dụng và quyết toán kinh phí theo quy định của pháp luật tại thời điểm phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

Điều 7. Điều khoản thi hành

1. Trường hợp văn bản được dẫn chiếu tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế bằng văn bản khác của cấp có thẩm quyền thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế.

2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Thủ trưởng các đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. Na

Nơi nhận:

- Như khoản 7 Điều 3;
 - Văn phòng Chính phủ;
 - Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
 - Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
 - Vụ Pháp chế - Bộ Tài nguyên và Môi trường;
 - Vụ Pháp chế - Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
 - Thường trực Tỉnh ủy;
 - Thường trực HĐND tỉnh;
 - Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
 - Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
 - UBND các huyện, thành phố;
 - Công báo tỉnh;
 - Công Thông tin điện tử tỉnh;
 - Lưu: VT, VP5, các VP.
- PTT_VP5_QĐUB

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
ĐÓNG CHỮ CHỦ TỊCH



Trần Song Tùng